

# BÁO CÁO THUỜNG NIÊN

Đơn vị niêm yết :Công ty CP Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình  
Năm báo cáo: Năm 2016

## I. THÔNG TIN CHUNG:

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch tiếng Việt: Công ty CP Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình
- Tên tiếng Anh: Hoa Binhh province Hung Long Trading investment joint stock company.
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5400 213 153 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 01/11/2016.
- Vốn điều lệ: 19.800.000.000, đồng (Mười chín tỷ, tám trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: Phường Tân Hòa — Thành phố Hòa Bình — Tỉnh Hòa Bình
- Điện thoại: 02183.854515/854455/855667 Fax: 02183.854138
- Website: <http://www.ximangsangda.vn> Email: hunglonghb@gmail.com
- Mã cổ phiếu: SCC

### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

Nhà máy xi măng Sông Đà chính thức được khởi công xây dựng từ tháng 02 năm 1993 với tổng diện tích đất đai là 35.333 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích nhà xưởng là 32.600 m<sup>2</sup>, diện tích sân bãi là 2.733 m<sup>2</sup>. Dây chuyền thiết bị tương đối hoàn chỉnh và hiện đại kể từ khâu nghiên sấy phối liệu cho đến khâu đóng bao xi măng. Trước đây nhà máy là đơn vị thành viên của Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng công ty Sông Đà, kể từ 01 tháng 11 năm 2002 nhà máy chính thức trở thành Công ty cổ phần xi măng Sông Đà hoạt động theo Luật doanh nghiệp theo Quyết định số 1461 QĐ/BXD ngày 01/11/2002 với số vốn Điều lệ khi thành lập là 17 tỷ đồng (trong đó Tổng công ty Sông Đà giữ cổ phần chi phối chiếm tỷ lệ 52,7%). Công ty tiếp tục hoạt động trên cơ sở máy móc, dây chuyền thiết bị công nghệ và nguồn nhân lực hiện có. Đến ngày 01/11/2016 Công ty đã đổi tên thành Công ty CP Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam, có con dấu riêng và độc lập về tài sản, có Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

+ Niêm yết: ngày 20 tháng 12 năm 2006 cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội

+ Hủy niêm yết : ngày 23 tháng 5 năm 2013 cổ phiếu của Công ty hủy niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định 176/QĐ-SGDHN.

+ Niêm yết: ngày 06 tháng 08 năm 2014 cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn Upcom

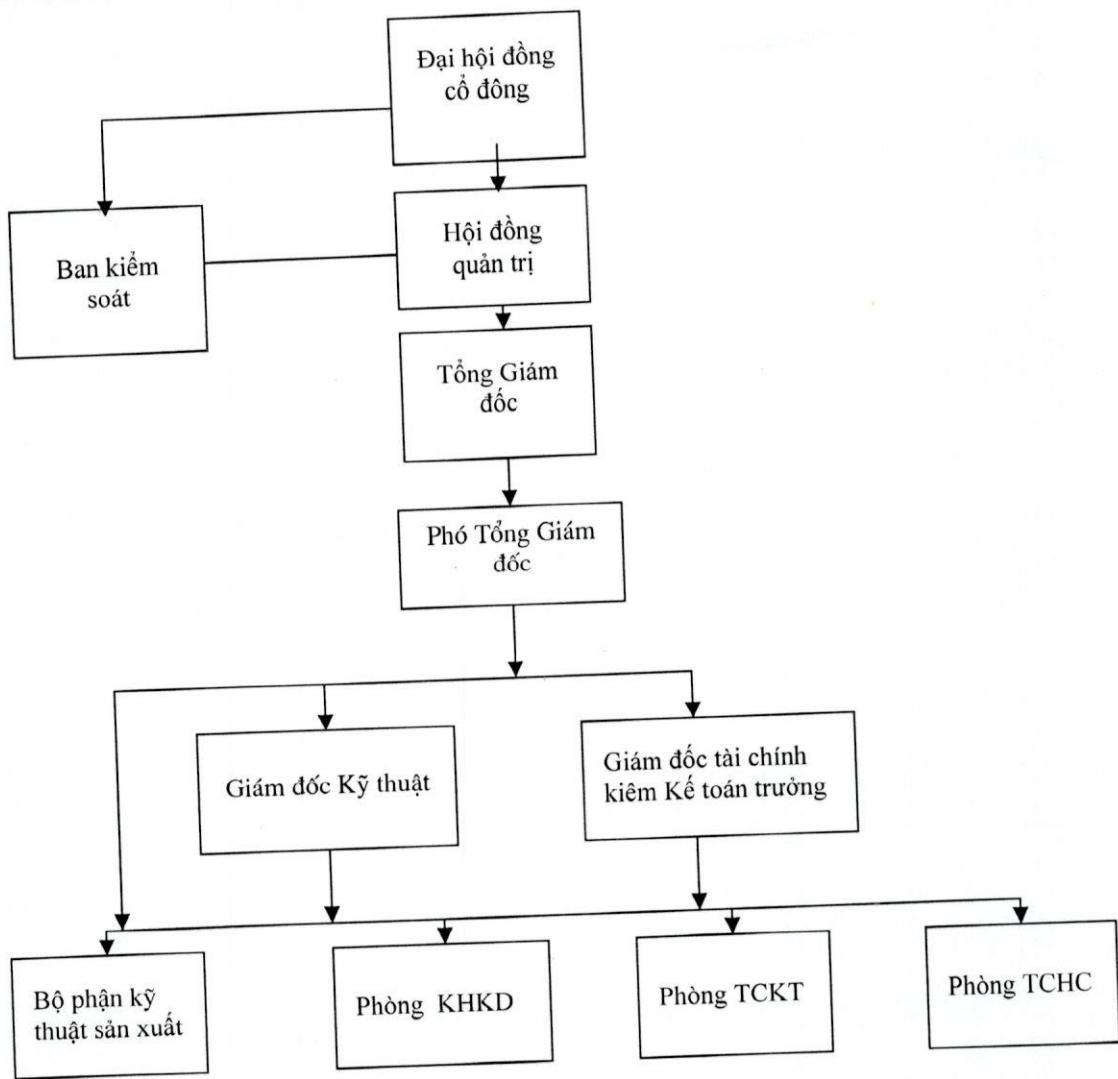
+ Các sự kiện khác: Trong năm 2016, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra bình thường.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và tiêu thụ xi măng; kinh doanh vận chuyển, cho thuê bến bãi, sản xuất gạch bê tông...
- Địa bàn kinh doanh chính: Khu vực thành phố Hòa Bình — tỉnh Hòa Bình

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

#### 4.1- Sơ đồ cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của công ty:



Ghi chú :      Quan hệ chỉ đạo trực tiếp      →  
                     Quan hệ tương tác      ——

#### Chức năng, nhiệm vụ của các Phòng trong công ty:

##### Phòng Tổ chức hành chính:

- Quản lý nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, ....
- Quản lý hồ sơ sử dụng đất, đăng ký kinh doanh, sổ BHXH, con dấu, văn thư,....
- Đề xuất mua sắm, cấp phát, quản lý trang thiết bị văn phòng,....
- Tổ chức tiếp khách, xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo,....

##### Bộ phận Kỹ thuật sản xuất

- Đảm bảo chất lượng xi măng PCB 30 theo TCVN 6260-97
- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 bằng văn bản, theo dõi kiểm soát việc ban hành và áp dụng.
- Đề xuất giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất.
- Thiết kế, giám sát, nghiệm thu các hạng mục xây dựng cơ bản của công ty; kiểm tra, giám sát kỹ thuật, chất lượng nguyên vật liệu, sản phẩm.

- Xây dựng kế hoạch mua sắm trang bị bảo hộ lao động, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện các phương án an toàn lao động trong công ty.
- Xây dựng, quản lý quy trình kỹ thuật, quy trình vận hành, bảo quản sửa chữa máy móc thiết bị
- Quản lý hồ sơ sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hồ sơ kỹ thuật về thiết bị máy móc.
- Quản lý xe, máy, thiết bị xây dựng, tài sản cố định,...
- Lập kế hoạch dự trù vật tư, phụ tùng thay thế hàng tháng,..

### **Phòng Kế hoạch kinh doanh**

- Tham mưu giám đốc ký Hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán vật tư, nguyên liệu và sản phẩm của công ty.
- Lập kế hoạch và thanh toán tiền lương, thưởng,...
- Xây dựng, điều hoà kế hoạch sản xuất kinh doanh; Lập và trình duyệt các kế hoạch định hướng của công ty.
- Theo dõi, lập báo cáo tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất; theo dõi việc kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm của công ty
- Lập kế hoạch đầu tư, tái đầu tư; theo dõi, tổ chức thực hiện đúng trình tự về công tác đầu tư,...
- Dự trữ, cấp phát các loại nguyên, nhiên vật liệu, vật tư bảo hộ lao động; quản lý, điều hành thủ kho và kho thành phẩm, tổ bốc xếp, tổ vận tải trực thuộc phòng quản lý đáp ứng cho yêu cầu tiêu thụ sản phẩm.
- Quản lý, điều hành các đại lý tiêu thụ xi măng
- Quảng cáo, giới thiệu sản phẩm

### **Phòng Tài chính - kế toán**

- Ghi chép, tính toán, phản ánh tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, quá trình và kết quả hoạt động SXKD và sử dụng kinh phí của công ty.
- Cung cấp số liệu, tài liệu cho việc điều hành SXKD, lập báo cáo kế toán, thống kê, quyết toán của công ty.
- Lập phương án nguồn vốn và sử dụng vốn hàng năm, kế hoạch, tín dụng, lợi nhuận,...
- Tính toán, trích nộp các khoản nộp ngân sách nhà nước, các loại quỹ, phân phối lợi nhuận,....
- Quản lý tiền mặt, chi lương, chi thưởng,...

### **4.2- Các công ty liên kết: không có.**

## **5. Định hướng phát triển đến năm 2017:**

### **5.1- Định hướng phát triển**

Xây dựng dây chuyền sản xuất gạch không nung của Công ty là ngành nghề chính và lấy hiệu quả kinh tế, chất lượng sản phẩm, uy tín khách hàng là thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín. Cải tạo, sửa chữa mặt bằng Công ty để cho thuê dịch vụ bến bãi; bốc dỡ hàng hóa đường thủy.

### **5.2- Nhiệm vụ chủ yếu:**

- Năm 2016 duy trì dây chuyền nghiên xi măng hiện tại theo phương thức mua Clanhke các nhà máy xi măng lò quay về nghiên; chuẩn bị mặt bằng phục vụ thuê bến bãi, bốc dỡ hàng hóa đường thủy.
- Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất gạch không nung( Sản phẩm gạch xi măng cốt liệu thân thiện với môi trường)

### **5.3 – Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:**

Duy trì SXKD, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho người lao động, đảm bảo cổ tức cho các cổ đông đồng thời nghiên cứu chuyển đổi, mở rộng ngành nghề SXKD, sản xuất những sản phẩm thân thiện với môi trường phù hợp với chủ trương của nhà nước như sản xuất gạch không nung.

## **6. Các rủi ro có thể xảy ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**

### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá cả hàng hóa.

#### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

### **Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Năm 2016, Tổng doanh thu của Công ty là: 10,701 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính là: 4,739 tỷ đồng chiếm 44,32 % tổng doanh thu.

Năm 2016 là một năm không thành công đối với Công ty. Do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao như clanke, điện, mát thị trường tiêu thụ... trong đó giá bán không tăng, số dư nợ cũ cao và khó thu nợ, Công ty đầu tư mới dây chuyền thiết bị sản xuất gạch không nung, dẫn đến SXKD bị lỗ. Tổng số lỗ năm 2016 là : 2,874 tỷ đồng.

Tại thời điểm 31/12/2016:

- Tổng tài sản của Công ty là: 35.004.027.623,đồng trong đó Tài sản ngắn hạn: 14.145.767.879,đồng và tài sản dài hạn là 20.858.259.744,đồng
- Tổng nguồn vốn của Công ty là: 35.004.027.623,đồng trong đó vốn chủ sở hữu là: 6.557.334.532,đồng, nợ phải trả 28.446.693.091,đồng

\*Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Năm 2017 và các năm tiếp theo Công ty tiếp tục duy trì và mở rộng sản xuất kinh doanh. Đảm bảo mang lại thu nhập cho CBCNV Công ty và đảm bảo cổ tức cho cổ đông.

### **2. Tổ chức và nhân sự:**

#### **2.1- Danh sách ban điều hành:**

##### **2.1.1- Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Văn Hưng**

Ngày sinh: 02/02/1972

Nơi sinh: Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: phường Nam Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Quá trình công tác:

- Năm 2005 –2010 : Trưởng phòng Vật tư Công ty cổ phần xi măng Điện Biên.
- Năm 2010 – 2011: Phó Giám đốc Công ty TNHH Thành Long.
- Năm 2012 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty cổ phần ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên.
- Chức vụ công tác hiện nay: kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

#### **2.1.2- Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Phạm Minh Trường**

Ngày tháng năm sinh: 21/08/1984

Nơi sinh: Phù Ninh, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phù Ninh, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: số nhà 138, tổ 17, phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 08/2003- 10/2012: Trưởng phòng kinh doanh Công ty CP Xi măng Điện Biên.
- Năm 2012- nay: Trưởng phòng vật tư, cơ giới Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên.
- Từ tháng 07/2015-05/01/2016: Giám đốc Công ty CP xi măng Sông Đà.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.
- Đã miễn nhiệm chức vụ ngày 02/11/2016.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

#### **2.1.3- Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Mạnh Hà**

Ngày tháng năm sinh: 01/07/1975

Nơi sinh: Duy Tân, Kinh Môn, Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Duy Tân, Kinh Môn, Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Duy Tân, Kinh Môn, Hải Dương.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- Từ 1995-1998: cán bộ kỹ thuật sửa chữa điện tại Công ty xi măng Trung Hải.
  - 1999-2002: tự kinh doanh thầu xây lắp về điện.
  - 2003-2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xi măng Tân Phú Xuân.
  - 2006-tháng 11/2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xi măng Điện Biên.
  - Tháng 12/2015-05/01/2016: Phó Giám đốc Công ty CP Xi măng Sông Đà.
  - 06/01/2016- 31/10/2016: Giám đốc Công ty CP Xi măng Sông Đà
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 91.850 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

#### **2.1.4- Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Đỗ Văn Trường**

Ngày tháng năm sinh: 28/02/1986

Nơi sinh: Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Quá trình công tác:

- 05/2007 – 11/2011: Công nhân lái nâng hàng có trọng tải dưới 30 tấn Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ.
- 12/2011 – 07/2011: Công nhân vận hành càn trục giàn Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ.
- 11/2014 – 06/2016: Cán bộ tổ chức hành chính Công ty Cổ phần ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên.

- 06/2016 đến nay: Cán bộ Bộ phận Dự án Chi nhánh Công ty Cổ phần ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

- Đã miễn nhiệm chức vụ ngày 02/11/2016.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 63.500 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

#### **2.1.5 Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Tự Hào**

Ngày tháng năm sinh: 07/06/1974

Nơi sinh: Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng  
 Địa chỉ thường trú: Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng  
 Quá trình công tác:  
 - 07/2003 – 12/2009: Nhân viên ban an toàn mỏ Công ty Cổ phần xi măng Tân Phú  
 Xuân.  
 - 01/2013 – 12/2013: Phó giám đốc mỏ đá Công ty Cổ phần xi măng Tân Phú Xuân.  
 - 04/2014 – 08/2016: Quản đốc Công ty Cổ phần ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên.  
 - 09/2016 đến nay: phó Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty CP ĐTTM Hưng Long  
 tỉnh Hòa Bình.  
 - Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP ĐTTM Hưng  
 Long tỉnh Hòa Bình.  
 - Đã miễn nhiệm chức vụ ngày 02/11/2016.  
 Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 53.600 cổ phần  
 Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

### **2.1.6- Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Thế Vinh**

Ngày tháng năm sinh: 14/06/1983  
 Nơi sinh: Dũng Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Dũng Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng  
 Địa chỉ thường trú: Dũng Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng  
 Quá trình công tác:  
 - 11/2005 – 04/2006: Công nhân viên Công ty xi măng Phúc Sơn.  
 - 05/2006 – 12/2008: Công nhân cơ khí Công ty xi măng Phúc Sơn.  
 - 01/2009 – 04/2009: Kỹ sư cơ khí Công ty xi măng Phúc Sơn.  
 - 05/2009 – 11/2009: Kỹ sư cơ khí Công ty Cổ phần xi măng Tân Phú Xuân.  
 - 05/2010 – 12/2011: Công nhân Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Hợp nhất.  
 - 2012: Phó Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Hợp nhất  
 - 2013-2015: kinh doanh tự do  
 - 01-08/2016: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên  
 - 09-10/2016: Phó Giám đốc Kỹ thuật Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình  
 - 11/2016- nay: Giám đốc Kỹ thuật Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình  
 Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần  
 Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

### **2.1.7- Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Đặng Xuân Dương**

Ngày tháng năm sinh: 16/12/1980

Nơi sinh: Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Lại Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Quá trình công tác:

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

- Từ 08/2014 trở về trước: kinh doanh tự do.

- Từ 09/2014-04/2015: Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên

- Từ tháng 01/2016- nay: Giám đốc Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên

- Từ ngày 02/11/2016- nay: Tổng Giám đốc Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

### **2.1.8- Trưởng Ban kiểm soát - Ông Ngô Văn Định**

Ngày tháng năm sinh: 14/10/1988

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quỳnh Sơn, Quỳnh Phụ, Thái Bình.

Địa chỉ thường trú: Tuần Giáo, Tuần Giáo, Điện Biên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 2010-08/2016: công tác tại Công ty TNHH Kiểm toán A&C.

- Từ 09/2016- nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa

Bình.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

### **2.1.9- Thành viên Ban kiểm soát – Bà Nguyễn Thị Oanh**

Ngày tháng năm sinh: 15/05/1972

Nơi sinh: Đồng Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Đồng Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh  
Địa chỉ thường trú: tổ 04, phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân  
Quá trình công tác:

- Từ 10/2000-2012: nhân viên phòng Kỹ Thuật- Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà.
  - 01-11/2013: Phó trưởng Phòng Kỹ thuật- Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà.
  - Từ 12/2013- 11/2015: Trưởng Phòng Kỹ thuật- Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà.
  - Từ 12/2015- nay: Phó trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất- Công ty CP ĐTTM Hưng Long
- tỉnh Hòa Bình.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

#### **2.1.10- Thành viên Ban kiểm soát – Bà Nguyễn Thị Hương**

Ngày tháng năm sinh: 04/03/1979

Nơi sinh: An Thượng, Hoài Đức, Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: An Thượng, Hoài Đức, Hà Tây

Địa chỉ thường trú: tổ 13, phường Tân Thịnh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 10/2002-2008: nhân viên phòng Kinh tế kế hoạch- Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà.
- 2009-10/2012: Phó trưởng phòng Kinh tế kế hoạch- Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà.

- Từ 11/2012- 31/5/2013: Quyền Trưởng Phòng Kế hoạch- Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà.

- Từ 31/5/2013 - nay: Trưởng Phòng Kế hoạch- Công ty Cổ phần ĐTTM Hưng Long

tỉnh Hòa Bình.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

#### **2.1.11- Giám đốc Công ty - Ông Nguyễn Mạnh Hà( Xem phần trên)**

- Đã miễn nhiệm chức vụ ngày 02/11/2016.

#### **2.1.12-Tổng Giám đốc Công ty - Ông Đặng Xuân Dương( Xem phần trên)**

- Bổ nhiệm chức vụ ngày 02/11/2016.

### **2.1.13- Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty – Vũ Tiến Hưng**

Ngày tháng năm sinh: 05/11/1975

Nơi sinh: Duyên Hưng, Nam Lợi, Nam Trực, Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Duyên Hưng, Nam Lợi, Nam Trực, Nam Định.

Địa chỉ thường trú: tổ 19, phường Tân Thịnh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1997-1998: nhân viên phòng Kế toán chi nhánh Công ty Xây lắp- Vật tư- Vận tải Sông Đà 12 tại Hòa Bình.

- 1998-1999: Phó Kế toán trưởng chi nhánh Công ty Xây lắp- Vật tư- Vận tải Sông Đà 12 tại Hòa Bình.

- 1999-2001: Kế toán trưởng chi nhánh Công ty Xây lắp- Vật tư- Vận tải Sông Đà 12 tại Hòa Bình.

- 2001 - 10/2016: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà ( từ ngày 22 tháng 7 năm 2014 kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà ).

- 11/2016- nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình kiêm Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình

Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

### **2.1.14- Giám đốc Kỹ thuật Công ty – Ông Nguyễn Thế Vinh ( Xem phần trên)**

- Bổ nhiệm chức vụ ngày 02/11/2016.

### **2.2- Những thay đổi trong Ban điều hành:**

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:.
  - + Nghị quyết số 01/2016CT/NQ-ĐHCD ngày 29/6/2016.
  - + Nghị quyết số 18CT/NQ-HĐQT ngày 02/11/2016
- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm:
  - + Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐQT ngày 06/1/2016
  - + Nghị quyết số 18CT/NQ-HĐQT ngày 02/11/2016
- Số lượng cán bộ, nhân viên đến 31/12/2016: 72 người

### **2.3- Chính sách đối với người lao động:**

- Trong năm 2016 là năm rất khó khăn đối với Công ty, do công việc không đều, không đủ nên thu nhập của người lao động thấp. Đến cuối năm 2016 tổng số CB CNV trong

Công ty chỉ còn 72 người . Mặc dù khó khăn nhưng Công ty đảm bảo đầy đủ các chế độ với người lao động.

- Thực hiện đóng BHXH, BHYT đầy đủ cho 100% CBCNV của Công ty
- Bố trí, sắp xếp lao động làm việc theo đúng ngành nghề, phù hợp với sức khoẻ của người lao động.

### **3. Tình hình thực hiện các dự án:**

#### **3.1. Các khoản đầu tư lớn:** đầu tư dây chuyền sản xuất gạch không nung .

#### **3.2. Các Công ty liên kết:**

- **Công ty CP Sông Đà Tây Đô (Công ty con của Công ty Nậm Mu):** Năm 2016 không có hoạt động gì.

### **4. Tình hình tài chính:**

#### **4.1- Tình hình tài chính:**

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	14.008.474.774	35.004.027.623	249%
Doanh thu thuần	5.619.699.794	7.039.610.779	125,3%
Lợi nhuận từ HĐ SXKD	(10.204.966.247)	(5.295.497.050)	(51,89%)
Lợi nhuận từ HĐ khác	556.922.159	2.421.402.803	434,78%
Lợi nhuận trước thuế	(9.648.044.088)	(2.874.094.247)	(29,78%)
Lợi nhuận sau thuế	(9.648.044.088)	(2.874.094.247)	(29,78%)

#### **4.2- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)		
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	2,79	0,87
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
- Hệ số Nợ/ Tổng TS (%)	32,67%	81,26%
- Hệ số Nợ/ Vốn CSH (%)	48,52%	433,8%
<b>3. Chỉ tiêu năng lực hoạt động</b>		
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/HTK b.quân)	2,97	2,89
- Doanh thu thuần/Tổng Tài sản	0,4	0,27
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(1,71)	(0,4)
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	(1,02)	(0,43)
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản	(0,68)	(0,08)
- Hệ số lợi nhuận thuần từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	(1,8)	(0,4)

### **5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

#### a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 1.887.600 cp.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.980.000 cp

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không
- b. Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông được phân chia theo tiêu chí cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân, cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài.
- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

  - Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 92.400 cổ phần.
  - Giao dịch: Không.

- e. Các chứng khoán khác: Không.

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD:**

**a. Kết quả HĐ SXKD:** (Đã trình bày tại biểu KQ HĐ SXKD Mục 1-Phân II)

#### **b. Đánh giá tổng quát:**

Năm 2016 là một năm Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận không những không đạt mà còn bị lỗ. Nguyên nhân khách quan chủ yếu là do trong năm 2016 thị trường xi măng ứ đọng nhiều, sản lượng tiêu thụ giảm, thị trường nguyên\_nhiên vật liệu đầu vào tăng mạnh như giá clanhke, giá điện, giá xăng dầu và giá các loại vật tư vật liệu khác làm cho giá thành sản xuất xi măng tăng cao. Các khoản chi phí cố định không giảm trong khi sản lượng SXKD đạt thấp. Mặt khác do tính chất cạnh tranh gay gắt của thị trường cùng với việc xuất hiện hàng loạt sản phẩm xi măng cùng loại đã cạnh tranh gay gắt với sản phẩm của Công ty do vậy Công ty dù đã tìm nhiều biện pháp tiết kiệm chi phí nhằm hạ giá thành sản xuất, ổn định giá bán nhưng đều thu vẫn không đủ để bù đắp chi phí do tăng giá nguyên vật liệu đầu vào khiến cho Công ty hoạt động SXKD tiếp tục bị thua lỗ. Nguyên nhân chủ quan như: Chưa mở rộng được ngành nghề SXKD nên mọi chi phí đều phụ thuộc vào sản lượng sản xuất và tiêu thụ xi măng; Chiến lược bán hàng chậm thay đổi lên lượng khách hàng đến với sản phẩm của công ty ngày càng thu hẹp, chưa bám sát thị trường vì vậy lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty giảm; Việc sản xuất xi măng cầm chừng do tiêu thụ chậm, năng suất thiết bị máy đạt thấp dẫn đến chi phí sản xuất tăng; Trong sản xuất, năng suất thiết bị đạt thấp, tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, điện năng lớn. Công ty đã mở rộng chiến lược kinh doanh đầu tư mới hệ thống dây chuyền sản xuất gạch không nung, kinh doanh cảng, cho thuê bến bãi nhưng không đạt hiệu quả do thị trường chưa mở rộng.

#### **2. Tình hình tài chính:**

a. Tình hình tài chính: Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:

Trong năm 2016, Công ty không phát sinh thêm các khoản nợ xấu, nợ khó đòi phát sinh thêm 156.102.371 đồng. Các khoản nợ khó đòi từ các năm trước đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định, tuy nhiên qua chỉ tiêu:

- Doanh thu thuần/Tổng Tài sản	0,4	0,27
--------------------------------	-----	------

Chúng ta nhận thấy rằng hiệu quả sử dụng tài sản năm 2016 đã bị giảm sút so với năm 2015. Trong năm 2015, cứ mỗi đồng tài sản thì tạo ra cho Công ty 0,4 đồng doanh thu, trong khi đó năm 2016 cứ mỗi đồng tài sản chỉ tạo ra được 0,27 đồng doanh thu. Bên cạnh đó vòng quay hàng tồn kho cũng bị giảm xuống: từ 2,97 vòng năm 2015 xuống còn 2,89

vòng năm 2016, điều đó chứng tỏ hàng tồn kho bị tồn đọng nhiều, sản phẩm sản xuất ra tiêu thụ chậm nên hiệu quả sử dụng vốn bị giảm.

b. Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Năm 2015	Năm 2016
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	2,79	0,87
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,82	0,18

- Qua các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty cho thấy khả năng thanh toán nhanh, ngắn hạn năm 2016 rất thấp.
- Qua các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu tài sản, chúng ta có thể nhận thấy trong tổng số tài sản mà Công ty đang nắm giữ đến 31/12/2016 là 81,26% (năm 2015 là 32,67%) số tài sản được hình thành từ các khoản nợ ngắn và dài hạn, tỷ lệ nợ năm 2016 của Công ty đang ở mức cao.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	2015	2016
- Hệ số Nợ/ Tổng TS (%)	32,67%	81,26%
- Hệ số Nợ/ Vốn CSH (%)	48,52%	433,8%

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Do hoạt động của công nghệ nung Clanhke bằng Lò đứng đã lỗi thời và lạc hậu tiêu tốn nhiều nguyên, nhiên vật liệu việc sản xuất nghiên xi măng Sông Đà từ Clanhke Lò đứng đã không còn hiệu quả. Trên thị trường xuất hiện nhiều loại xi măng công nghệ lò quay trên thị trường truyền thống của Công ty do vậy SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn, thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty bị thu hẹp, sản xuất không ổn định, người lao động không đủ việc làm và Công ty đã lâm vào tình trạng SXKD bị thua lỗ. Giải pháp mà Công ty đã thực hiện đó là:

- Dừng hoạt động sản xuất kinh doanh xi măng.
- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức gọn nhẹ phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, rà soát lại lực lượng lao động và chấm dứt hợp đồng lao động đối với những người không bố trí được việc làm, thực hiện chi trả chế độ theo đúng qui định và theo biên bản thỏa thuận giữa Người sử dụng lao động và Người lao động, vận động những CBCNV gần đủ tuổi hưu thì làm thủ tục để nghỉ hưu.
- Tập trung nghiên cứu sang lĩnh vực khác sản xuất vật liệu xây như sản xuất gạch không nung xi măng cốt liệu theo định hướng của Chính phủ tại Quyết định số 567/2010/QĐ-TT ngày 28 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ qui hoạch phát triển vật liệu xây dựng gạch không nung, Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28/11/2012 của BXD quy định sử dụng vật liệu xây dựng không nung trong các công trình xây dựng.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:** (Đã trình bày tại mục 5- Phần I)

**5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán:**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- ✓ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ✓ Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ✓ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ✓ Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- ✓ Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất năm thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

##### **1. Đánh giá về các mặt hoạt động SXKD trong năm 2016:**

- Tổng giá trị SXKD: TH 11.772 triệu đồng
- Doanh thu : TH 10.071 triệu đồng
- Nộp NS nhà nước: TH 536 triệu đồng
- Lợi nhuận : TH -2.874 triệu đồng
- TN bình quân: TH 4,196 triệu đồng
- Đầu tư: mua máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất gạch không nung 21.097 triệu đồng.

##### ***Nguyên nhân không đạt được các chỉ tiêu về sản lượng, các chỉ tiêu kinh tế***

- Do giá nguyên vật liệu dầu vào liên tục tăng cao như giá điện, xăng dầu, lương tối thiểu,... cùng với sự hoạt động của công nghệ nung Clanke bằng Lò đứng đã lỗi thời và lạc hậu tiêu tốn nhiều nguyên, nhiên vật liệu và trên thị trường xuất hiện nhiều loại xi măng công nghệ lò quay trên thị trường truyền thống của Công ty do vậy SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn, thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty bị thu hẹp, sản xuất không ổn định, người lao động không đủ việc làm và Công ty đã lâm vào tình trạng SXKD bị thua lỗ.
- Sản lượng sản xuất thấp, lương tối thiểu tăng nhưng Công ty vẫn phải chi trả khoản tiền nộp BHXH,BHYT,BHTN và trích vào giá thành.
- Giá thành sản xuất xi măng Lò đứng cao hơn giá thành sản xuất xi măng Lò quay dẫn đến sức cạnh tranh kém, thị trường bị thu hẹp, khối lượng tiêu thụ xi măng của Công ty giảm do đó sản lượng sản xuất nghiên xi măng giảm theo.

- Các sản phẩm trên giá bán bằng hoặc chênh lệch rất ít so với giá bán xi măng Sông Đà vì thế việc cạnh tranh thị trường tiêu thụ là rất khó khăn.
- Về chi phí BHXH,BHYT,BHTN trích vào giá thành: Sản lượng sản xuất thấp, thêm vào đó mức lương tối thiểu tăng Công ty phải đóng BHXH,BHYT nhiều hơn.
- Chi phí tiền lương : Sản lượng đạt thấp Công ty vẫn phải chi trả tiền lương thời gian cộng với lương sản phẩm cho CB CNV.
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định tăng do sản lượng đạt thấp.
- Sản xuất cầm chừng, năng suất thiết bị thấp dẫn đến tiêu hao điện năng lớn.

## **2. Đánh giá về hoạt động của Ban giám đốc Công ty:**

Trong quá trình thực hiện chỉ đạo việc sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc đã cố gắng tìm mọi biện pháp, thay đổi, cải tiến công nghệ sản xuất để giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, giảm giá bán, tăng sản lượng tiêu thụ kết quả đạt được thấp. Ngoài những nguyên nhân khách quan đã nêu trên, còn do cả nguyên nhân chủ quan, đó là:

- Chưa mở rộng được nghành nghề SXKD của Công ty trong khi mọi chí phí phụ thuộc vào sản lượng sản xuất và tiêu thụ xi măng.
- Chiến lược bán hàng chậm thay đổi lên lượng khách hàng đến với sản phẩm của công ty ngày càng thu hẹp, cán bộ tiêu thụ chưa năng động, chưa bám sát thị trường vì vậy lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty giảm. Chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo thu hồi vốn.
- Việc sản xuất xi măng cầm chừng do tiêu thụ chậm, năng suất thiết bị máy đạt thấp dẫn đến chi phí sản xuất tăng.
- Trong sản xuất năng suất thiết bị đạt thấp, tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, điện năng lớn.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

### **3.1- Mục tiêu, định hướng:**

- Nghiên cứu để triển khai thực hiện việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gạch không nung xi măng để cung cấp cho thị trường khu vực tỉnh Hòa bình và các vùng lân cận;

### **3.2- Giải pháp thực hiện:**

#### **a- Giải pháp về tổ chức sản xuất, quản lý và Điều hành:**

##### ➤ Đối với công tác sản xuất:

- Quản lý chất lượng, kỹ thuật: giám sát kiểm tra chất lượng, khối lượng nguyên vật liệu đầu vào, phân tích, khống chế, điều chỉnh ổn định cấp phối đầu vào.
- Các vị trí sản xuất thực hiện vận hành thiết bị dây truyền theo đúng quy trình, quy phạm, phát huy tối đa năng suất thiết bị máy và hiệu quả trong SXKD của Công ty.
- Quản lý thiết bị cơ giới: Hàng tháng, quý có kế hoạch sửa chữa cụ thể. Dự trữ phụ tùng thay thế đảm bảo đáp ứng kịp thời khi có hỏng hóc xảy ra.

##### ➤ Quản lý và điều hành:

- Bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý nội bộ, chế độ tiền lương phù hợp với Quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, đảm bảo phát huy cao nhất sức sáng tạo, chủ động của tập thể, cá nhân trong hoạt động SXKD. Sử dụng biện pháp đòn bẩy kinh tế, kết hợp hài hòa giữa lợi ích Doanh nghiệp và nhà nước với lợi ích của CBCNV, cổ đông và khách hàng.

- Xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định đảm bảo công tác điều hành, quản lý SXKD của Công ty theo phương pháp quản lý điều hành tiên tiến, phân cấp triệt để, tạo ra cơ chế chủ động, thông thoáng cho các lĩnh vực sản xuất đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, đảm bảo sản xuất kinh doanh hiệu quả và tích lũy vốn.
- Tăng cường công tác Quản trị doanh nghiệp, nhằm tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu sản xuất để đảm bảo tăng thu nhập và thu hút lực lượng lao động có chuyên môn giỏi, tay nghề cao.
- Thực hiện tốt kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ nghiệp vụ cho Cán bộ và tay nghề cho công nhân. Thực hiện việc quy hoạch Cán bộ, đặc biệt là Cán bộ lãnh đạo để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

**b- Giải pháp về phát triển nguồn lực con người :**

Xây dựng quy hoạch và đào tạo bồi dưỡng cán bộ nguồn đặc biệt là lực lượng cán bộ trẻ, áp dụng nhiều hình thức đào tạo, chú trọng hình thức đào tạo tại chỗ, kết hợp việc bổ nhiệm, đề bạt với việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đào tạo bồi dưỡng trình độ, năng lực quản lý, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với bồi dưỡng với bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, đạo đức, tác phong lãnh đạo. Bổ sung, sửa đổi tiêu chuẩn chức danh cán bộ, tiêu chuẩn chức danh nghề theo hướng tiên tiến, chuyên nghiệp, kết hợp với việc thực hiện dải ngộ theo nguyên tắc gắn kết giữa quyền lợi và trách nhiệm của mỗi tập thể, cá nhân.

**c- Giải pháp về đầu tư phát triển:**

- Đầu tư xây dựng dây truyền gạch không nung xi măng cốt liệu công suất 10 triệu viên/năm.

**d- Công tác kỹ thuật - Chất lượng - ATLĐ - VSMT:**

- Tổ chức SX hợp lý, nghiên cứu cải tiến, thay thế công nghệ, thực hiện các biện pháp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm của các dây chuyền sản xuất trong Công ty. Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001 - 2000, giám sát và có biện pháp xử lý ngay các sự cố tại từng công đoạn của quá trình sản xuất để giảm chi phí, không để sản phẩm không đảm bảo chất lượng, tăng cường giám sát việc sử dụng một cách tiết kiệm và có hiệu quả nhất các nguyên liệu đầu vào trong hoạt động sản xuất gạch không nung xi măng cốt liệu trên thị trường.
- Hàng năm tổ chức tốt khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV trong Công ty.
- Thực hiện tốt chế độ huấn luyện hàng năm về công tác ATLĐ-BHLĐ cho CBCNV;
- Duy trì và tạo điều kiện cho mạng lưới an toàn vệ sinh viên hoạt động có hiệu quả;

**e- Giải pháp về phát triển thị trường:**

Để đảm bảo sản xuất và tiêu thụ hết sản phẩm thì công tác tiêu thụ sản phẩm đóng một vai trò chủ đạo, do vậy phải đẩy mạnh công tác tiêu thụ bằng cách:

- Xây dựng chính sách bán hàng và hậu mãi sau bán hàng hợp lý nhằm khai thác các thị trường tiêu thụ tiềm năng tại khu vực Hoà Bình, Phú Thọ, Sơn La, Hà Nội... .
- Tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng ở các khâu bốc xếp, vận chuyển, thanh toán, khuyến mại.

## f. Giải pháp phát triển nguồn lực tài chính:

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, Không để nợ dây dưa và nợ khó đòi.
- Xây dựng chiến lược huy động vốn để đảm bảo vốn cho đầu tư và phục vụ sản xuất kinh doanh. Vì vậy Công ty mở rộng và quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng.
- Xây dựng và áp dụng định mức tiêu hao nội bộ, Xây dựng và hiệu chỉnh các định mức kinh tế kỹ thuật nội bộ cho phù hợp với công nghệ sản xuất và tình hình cụ thể, nhằm hạ giá thành sản phẩm.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị: (Đã trình bày tại Mục 2.1 - 2 - Phần 2)

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

➤ Các cuộc họp của thành viên Hội đồng quản trị:

Trong năm 2016 Hội đồng quản trị Công ty đã họp định kỳ 04 phiên, các thành viên tham dự đầy đủ đạt 100% dự họp các phiên.

➤ Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Trong các kỳ họp của Hội đồng quản trị, căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội cổ đông giao, Hội đồng quản trị đã xem xét những kết quả đạt và chưa đạt, từ đó có những giải pháp điều chỉnh phù hợp nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty. Thành viên HĐQT chuyên trách tham gia các cuộc giao ban của Ban Giám đốc định kỳ hàng tháng cũng như các cuộc họp đột xuất; việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc, cán bộ quản lý trong Công ty qua việc theo dõi, kiểm tra báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và các báo cáo khác nhằm đảm bảo tất cả hoạt động của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, đúng tinh thần của Nghị quyết Đại hội cổ đông.

➤ Về Công tác quản lý Công ty:

Để quản lý Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Căn cứ các tờ trình của Giám đốc, Hội đồng quản trị đã kịp thời xem xét giải quyết, xây dựng các nghị quyết về các vấn đề quản lý sản xuất, đầu tư theo thẩm quyền quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Trên cơ sở Nghị quyết của HĐQT, Hội đồng quản trị đã ban hành các quyết định về quản lý điều hành Công ty.

Hội đồng quản trị đã thực hiện và duy trì chế độ họp định kỳ và đột xuất để kịp thời giải quyết, chỉ đạo các lĩnh vực hoạt động SXKD theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

➤ Công tác tổ chức và thực hiện Điều lệ:

- Trong năm 2016 Hội đồng quản trị đã họp 4 phiên có sự tham gia của Ban kiểm soát, Ban giám đốc và một số Trưởng phòng nghiệp vụ.
- Các phiên họp của HĐQT đều có các biên bản cuộc họp và ban hành nghị quyết của HĐQT, các uỷ viên HĐQT tham dự họp ký và được lưu giữ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty.

- Ban hành 18 Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
  - Hội đồng quản trị, thông qua thư ký Công ty và hoạt động của từng Uỷ viên đã quan hệ mật thiết, thường xuyên với Giám đốc Công ty để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, trao đổi để giải quyết các vấn đề phát sinh kịp thời, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được xây dựng, thông qua theo nguyên tắc quyết định theo đa số, các ý kiến khác được bảo lưu. Chủ tịch HĐQT trên cơ sở nghị quyết ký ban hành quyết định để Giám đốc thực hiện.
  - Hội đồng quản trị đã kiểm điểm chương trình công tác của từng quý và xây dựng chương trình công tác của quý sau cũng như cả năm nhằm đánh giá rút kinh nghiệm cũng như làm cơ sở để triển khai thực hiện các chương trình đã đề ra đảm bảo việc quản lý chỉ đạo và điều hành có hiệu quả.
  - Hội đồng quản trị Công ty luôn luôn xây dựng tinh thần đoàn kết nhất trí, đảm bảo dân chủ, Ngoài việc thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được ban hành, nhưng khi có vấn đề lớn thì đều đưa ra bàn bạc dân chủ và quyết định tập thể.
- d. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

## **2. Ban kiểm soát:**

a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát: (Đã trình bày tại Mục 2.1 - 2 - Phần 2)

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát quy định trong Điều lệ của Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình & Luật doanh nghiệp nước Cộng hòa xã hội CN Việt Nam. Ban kiểm soát căn cứ vào:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát công ty trên các mặt sau:

Kiểm tra tình hình SXKD 2016.

Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi đối với người Lao động.

Kiểm tra báo cáo tài chính năm 2016.

Kiểm soát việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

### **➤ Kết quả kiểm soát về quản lý, điều hành hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc:**

- Năm 2016 Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp HĐQT Công ty, kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của công ty năm 2016. Kiểm tra báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động SXKD năm 2016 và các hoạt động khác liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Đơn vị, Ban kiểm soát nhận xét:
- Hội đồng quản trị Công ty trong đó: Chủ tịch HĐQT Công ty làm việc chuyên trách, ba thành viên làm việc kiêm nhiệm. HĐQT công ty đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm nhằm mục tiêu ổn định & phát triển công ty, thể hiện: Năm 2016 Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng chương trình công tác hàng quý, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, duy trì họp tập chung định kỳ hàng quý kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty. Trong năm Hội đồng quản trị ban hành nhiều Nghị quyết và quyết định có tính thống nhất cao của các thành viên, đồng thời chỉ đạo

- và giám sát Giám đốc điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của đại hội cổ đông, của HĐQT Công ty, mặt khác phê duyệt kịp thời các tờ trình của Giám đốc Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành SXKD của Công ty. Tuy nhiên việc bám sát & chỉ đạo triển khai đầu tư các dự án đầu tư còn chậm và chưa quyết liệt.
- Ban Giám đốc Công ty đã điều hành các hoạt động SXKD của Công ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật hiện hành. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của điều lệ công ty và các nghị quyết của Đại hội cổ đông, của HĐQT công ty.
  - Năm 2016 mặc dù Ban giám đốc Công ty đã cố gắng khắc phục nhiều khó khăn để thực hiện kế hoạch SXKD trong điều kiện kinh tế xã hội có nhiều biến động phức tạp, nhằm duy trì ổn định sản xuất và kinh doanh cũng như bảo đảm việc làm và thu nhập cho cán bộ CNV Công ty nhưng chưa mang lại hiệu quả cao, dẫn đến thu nhập của CB CNV còn ở mức thấp, kết quả kinh doanh của Công ty còn bị thua lỗ.

**> Kết quả kiểm soát về hực hiện công tác Kế toán, tài chính:**

**Thực hiện công tác kế toán:**

- Đơn vị áp dụng chế độ kế toán Việt nam ban hành theo quyết định số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.
- Việc lập, luân chuyển, sử dụng và lưu trữ chứng từ kế toán đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ và đúng biểu mẫu theo quy định của chế độ kế toán hiện hành. Lập báo cáo đúng tiến độ quy định.
- Báo cáo tài chính năm 2016 đã mời công ty kiểm toán hợp danh Kiểm toán Việt Nam CPA Tổ chức kiểm toán.

**Tình hình tài chính năm 2016.**

**a/ Về kết quả kinh doanh:**

- Doanh thu:	10.701.930.189 đồng,
Trong đó:D.thu hoạt động SXKD:	4.271.248.103 đồng,
D.thu HD tài chính & DT khác	6.430.682.086 đồng,
- Lợi nhuận (lỗ):	- 2.874.094.247 đồng.
Trong đó: Lỗ từ HDSX Xí măng:	-2.093.794.505 đồng
Lợi nhuận từ HHTC & TNK:	-780.299.742 đồng

**b/ Về tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước:**

- Các khoản phải nộp NSNN: 1.429.800.558 đồng,
- Các khoản đã nộp NSNN: 536.565.391 đồng.

**c/ Tiền lương và thu nhập của CB CNV**

- Tổng quỹ lương thực trả: 3.625.734.617 đồng,
- Tiền lương bình quân: 4.196.452 đồng/người/tháng
- Thu nhập bình quân (cả tiền trích nộp BHXH): 4.775.097 đồng/người/tháng

**d/ Về tài sản và nguồn vốn của Công ty:**

- Tổng tài sản có đến 31/12/2016: 35.004.027.623 đồng

Trong đó: Tài sản ngắn hạn: 14.145.767.879 đồng

Tài sản dài hạn: 20.858.259.744 đồng

- Tổng nguồn vốn có đến 31/12/2016: 35.004.027.623 đồng

Trong đó: Vốn chủ sở hữu: 6.557.334.532 đồng

Nợ phải trả: 28.446.693.091 đồng

#### e/ Về tài sản cố định và khấu hao TSCĐ đến thời điểm 31/12/2016

- Nguyên giá TSCĐ : 12.255.358.133 đồng.

- Giá trị hao mòn luỹ kế: -12.255.358.133 đồng.

- Giá trị còn lại: 0 đồng.

\* **Nhân xét chung:** Qua xem xét kiểm tra một số báo cáo của Công ty, Ban kiểm soát có một số nhận xét như sau:

- Công tác quản lý điều hành hoạt động SXKD của Công ty năm 2016 thực hiện theo đúng Điều lệ hoạt động của Công ty và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

#### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: 330.619.548,đồng/năm.

Trong đó:

➤ Lương chi trả cho Chủ tịch HĐQT:

Ông: Nguyễn Văn Hưng- Chủ tịch HĐQT: 121.157.385,đồng/năm

➤ Lương chi trả cho Giám đốc điều hành:

Ông: Nguyễn Mạnh Hà- Giám đốc điều hành: 209.462.163,đồng/năm

➤ Thù lao chi trả cho BKS: Không có

➤ Thù lao chi trả cho thành viên HĐQT: Không có

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

- Đối với Hội đồng quản trị: (Đã trình bày tại Mục 1 — Phần V)

- Đối với Ban kiểm soát: (Đã trình bày tại Mục 2 — Phần V)

### VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

#### 1. Ý kiến kiểm toán:

Được trình bày tại “Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016” kèm theo Báo cáo này.

#### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Số. 71/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình được lập ngày 20 tháng 01 năm 2017, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Vấn đề nhấn mạnh**

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, nhưng Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 6.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Trong năm 2016, Công ty lỗ thêm 2.874.094.247 đồng, làm cho lỗ lũy kế của Công ty tính đến 31/12/2016 là 30.241.643.220 đồng, vượt so với vốn góp là 10.441.643.220 đồng, số nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2016 là 28.446.693.091 đồng, đồng thời luồng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016 vẫn âm. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

**Vũ Ngọc Án**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 15/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐTV

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hạng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.**

*Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017*

**Bùi Thị Thúy**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

<b>TÀI SẢN</b>	<b>MS</b>	<b>TM</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <i>(100 = 110+120+130+140+150)</i>	<b>100</b>		<b>14.145.767.879</b>	<b>12.388.958.742</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>343.419.907</b>	<b>2.990.302.535</b>
1. Tiền	111		343.419.907	2.990.302.535
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.143.137.135</b>	<b>5.445.267.097</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	6.933.772.520	8.939.082.181
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	77.347.600	232.597.600
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	875.197.288	860.665.218
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(4.743.180.273)	(4.587.077.902)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.964.684.160</b>	<b>3.647.216.670</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	2.964.684.160	3.647.216.670
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.694.526.677</b>	<b>306.172.440</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	5.557.639.401	38.429.875
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.8	1.986.934.993	117.790.282
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	149.952.283	149.952.283
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <i>(200 = 210+220+240+250+260)</i>	<b>200</b>		<b>20.858.259.744</b>	<b>1.619.516.032</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	<b>917.806.860</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	-	137.806.860
- <i>Nguyên giá</i>	222		12.255.358.133	74.497.092.727
- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(12.255.358.133)	(74.359.285.867)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	780.000.000
- <i>Nguyên giá</i>	228		-	1.800.000.000
- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	(1.020.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>20.858.259.744</b>	<b>701.709.172</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	20.858.259.744	701.709.172
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>35.004.027.623</b>	<b>14.008.474.774</b>

**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>28.446.693.091</b>	<b>4.577.045.995</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.333.665.482</b>	<b>4.427.045.995</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	8.393.385.072	3.334.306.173
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	16.810.000	1.810.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	138.922.698	248.721.685
4. Phải trả người lao động	314		704.086.942	111.515.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	376.767.600	215.440.183
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	2.528.661.395	514.091.132
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	4.174.581.775	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		450.000	1.161.822
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.113.027.609</b>	<b>150.000.000</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	12.113.027.609	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	150.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>6.557.334.532</b>	<b>9.431.428.779</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.18	<b>6.557.334.532</b>	<b>9.431.428.779</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.800.000.000	19.800.000.000
- Cổ phiếu thông có quyền biểu quyết	411a		19.800.000.000	19.800.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(1.366.318.570)	(1.366.318.570)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.365.296.322	18.365.296.322
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(30.241.643.220)	(27.367.548.973)
- LNST chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		(27.367.548.973)	(17.719.504.885)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.874.094.247)	(9.648.044.088)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>35.004.027.623</b>	<b>14.008.474.774</b>

Hòa Bình, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Vũ Tiến Hưng

Đặng Xuân Dương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MS</b>	<b>TM</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	7.039.610.779	5.619.699.794
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	10.113.636	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	7.029.497.143	5.619.699.794
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	9.582.901.727	9.822.002.753
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>(2.553.404.584)</b>	<b>(4.202.302.959)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	6.968.673	2.412.836.609
7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22	5.21	193.614.002	1.666.010.416
8. Chi phí bán hàng	23		193.614.002	45.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	5.22	252.134.792	1.204.745.316
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>(5.295.497.050)</b>	<b>(10.204.966.247)</b>
11. Thu nhập khác	31	5.23	3.665.464.373	556.922.159
12. Chi phí khác	32	5.23	1.244.061.570	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>2.421.402.803</b>	<b>556.922.159</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(2.874.094.247)</b>	<b>(9.648.044.088)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(2.874.094.247)</b>	<b>(9.648.044.088)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.768)	(4.873)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hòa Bình, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Vũ Tiên Hưng

Đặng Xuân Dương

**BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ**  
*(theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MS</b>	<b>Năm 2016</b>		<b>Năm 2015</b>	
		<b>VND</b>	<b>4</b>	<b>VND</b>	<b>5</b>
<b>1</b>	<b>2</b>				
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1. <b>Lợi nhuận trước thuế</b>	01	(2.874.094.247)		(9.648.044.088)	
2. <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>					
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	197.806.860		212.747.862	
- Các khoản dự phòng	03	156.102.371		663.942.618	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.976.968.673)		(2.317.382.064)	
- Chi phí lãi vay	06	193.614.002		45.000.000	
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước</b>	08	(4.303.539.687)		(11.043.735.672)	
3. <b>thay đổi vốn lưu động</b>					
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	276.432.880		1.448.235.405	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	682.532.510		(357.997.615)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	7.809.872.567		191.019.199	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.519.209.526)		(38.429.875)	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(419.230.933)		(45.000.000)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	450.000		-	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.217.924)		-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	(1.474.910.113)		(9.845.908.558)	
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(19.436.550.572)		(211.231.331)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.970.000.000		904.545.455	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-		1.221.525.466	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-		9.971.352.970	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.968.673		499.897.508	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(17.459.581.899)		12.386.090.068	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
3. Tiền thu từ đi vay	33	22.612.159.384		2.500.000.000	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.324.550.000)		(2.500.000.000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	16.287.609.384		-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50	(2.646.882.628)		2.540.181.510	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	2.990.302.535		450.121.025	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	343.419.907		2.990.302.535	

Hòa Bình, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Vũ Tiến Hưng

Đặng Xuân Dương

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình là doanh nghiệp được chuyển đổi tên từ Công ty Cổ phần Xi Măng Sông Đà, Công ty tiền thân được thành lập theo Quyết định số 1461/QĐ-BXD ngày 01/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở chuyển đổi bộ phận doanh nghiệp Nhà máy Xi măng Sông Đà - Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng Công ty Sông Đà.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400213153, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2002 và thay đổi lần thứ chín ngày 01/11/2016.

Tên Công ty bằng Tiếng Anh: HOA BINH PROVINCE HUNG LONG TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: HUNG LONG TRADING INVESTMENT JSC.

Theo đăng ký kinh doanh số 5400213153, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 01/11/2016, vốn điều lệ của Công ty là 19.800.000.000 đồng. Các cổ đông hiện tại của Công ty bao gồm:

Sở hữu vốn:

STT	Tên Cổ đông	Số Cổ phần	Giá trị Cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Điện Biên	1.083.500	10.835.000.000	54,72
2	Vốn của các Cổ đông khác	896.500	8.965.000.000	45,28
<b>Tổng cộng</b>			<b>19.800.000.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở chính của Công ty tại: Tô 11, Phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Trồng rừng và chăm sóc cây rừng
- Khai thác gỗ
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất và chế biến bột đá
- Sản xuất bê tông tươi
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Bán buôn ô tô con ( Loại 12 chỗ ngồi trở xuống)
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Bán mô tô, xe máy
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)

- Bán buôn thực phẩm
- 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (tiếp theo)**
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
  - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan  
Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan
  - Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)
  - Bán buôn đồ uống
  - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng của gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
  - Khai thác và thu gom than cung
  - Khai thác và thu gom than non
  - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
  - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
  - Hoạt động, bốc xếp dỡ hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến bến càng
  - Khai thác quặng sắt
  - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
  - Cho thuê xe có động cơ
  - Đại lý du lịch
  - Điều hành tua du lịch
  - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
  - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
  - Khai thác và thu gom than bùn
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác
  - Sản xuất gạch không nung
  - Sản xuất vữa đóng bao
  - Sản xuất cát nhân tạo./.

Hoạt động chính trong năm của Công ty trong năm 2016: xuất bán nốt các thành phẩm xi măng và đang trong giai đoạn tái cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh, và đầu tư xây dựng dây truyền sản xuất gạch không nung và khai thác dịch vụ cảng.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

#### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán).
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

#### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

###### **a. Nguyên tắc kế toán**

###### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

###### Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị thương hiệu của Tổng Công ty Sông Đà, được xác định theo Quyết định số 294/TCT/HĐQT ngày 25/5/2004 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sông Đà, Nghị quyết số 03/ĐHCD ngày 19/5/2005 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2005 về việc tăng vốn điều lệ Công ty bằng giá trị thương hiệu Sông Đà và Quyết định số 85/CT/HĐQT ngày 22/5/2005 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

###### **b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Năm 2016 (Số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình nêu trên được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế và tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 20 năm.

###### Các căn cứ ghi giảm tài sản trong năm của Công ty:

Căn cứ vào Nghị quyết 09 CT/NQ-HĐQT ngày 28/03/2016 của Hội đồng quản trị đồng ý chủ trương cai tạo và tháo dỡ các dây truyền cũ và lắp đặt dây truyền sản xuất gạch không nung.

Căn cứ vào biên bản họp Đại hội cổ đông số 01/2016 CT/BB-ĐHCD ngày 29/06/2016 thông qua chủ trương phá dỡ các nhà xưởng, dây truyền thiết bị (dây truyền nghiên liệu, dây truyền lò nung, dây truyền nghiên xi măng) để tạo mặt bằng, lắp đặt các dây truyền sản xuất gạch không nung, bê tông thương phẩm, mặt bằng dịch vụ cầu cảng. Thanh lý các tài sản không có nhu cầu sử dụng tại nhà máy để có vốn đầu tư.

Nghị quyết 13 CT/NQ-HĐQT ngày 30/06/2016 về việc giao cho Giám đốc Công ty tổ chức chỉ đạo thực hiện việc bán thanh lý tài sản không có nhu cầu sử dụng để thu vốn cho Công ty. Và các Quyết định thành lập ban thanh lý tài sản.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

Quyết định số 01 CT/TCKT ngày 31/08/2016 của Tổng Giám đốc Công ty về việc ghi giảm tài sản cố định trong đó

STT	Loại tài sản	Nguyên giá (đồng)	Khấu hao (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	32.582.761.383	32.582.761.383	0
2	Máy móc thiết bị	29.550.964.120	29.550.964.120	0
3	Thiết bị dụng cụ quản lý	108.009.091	108.009.091	0
4	Tài sản cố định vô hình	1.800.000.000	1.080.000.000	720.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>64.041.734.594</b>	<b>63.321.734.594</b>	<b>720.000.000</b>

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

##### Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

##### Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

##### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

##### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

###### **Đối với hoạt động sản xuất và thương mại**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

###### **Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

##### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BDS đầu tư theo phuong thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BDS đầu tư,...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí đi vay:** Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp):** Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:** là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ánh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Công cụ tài chính**

###### **Ghi nhận ban đầu**

###### **Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay và các công cụ tài chính phái sinh.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

##### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Công ty mẹ, các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

#### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

##### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	336.227.305	63.453.258
Tiền gửi ngân hàng	7.192.602	2.926.849.277
<b>Tổng</b>	<b>343.419.907</b>	<b>2.990.302.535</b>

##### 5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công nợ xí nghiệp 12.6	6.933.772.520	8.939.082.181
Chu Ánh Tuyết	1.168.536.074	1.168.536.074
Các khách hàng khác	840.068.000	840.068.000
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>		
<b>Tổng</b>	<b>6.933.772.520</b>	<b>8.939.082.181</b>

### 5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Trả trước người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Cơ khí Huy Hoàng	77.347.600	232.597.600
Công ty CP tư vấn XD Công trình VLXD	-	132.000.000
Công ty TNHH phát triển hạ tầng Bảo Tín	33.957.600	33.957.600
Các nhà cung cấp khác	17.140.000	17.140.000
<b>Trả trước người bán dài hạn</b>		
<b>Tổng</b>	<b>77.347.600</b>	<b>232.597.600</b>

### 5.4 Phải thu khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND		
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu người lao động	875.197.288	-	860.665.218	-
Phải thu Công ty CP ĐTPT KCN	113.710.728	-	62.916.907	-
Hải Hà (*)	550.000.000	-	550.000.000	-
Tạm ứng	125.235.082	-	74.307.976	-
Phải thu các cá nhân khác	86.251.478	-	173.440.335	-
<b>Dài hạn</b>				
<b>Tổng</b>	<b>875.197.288</b>	<b>-</b>	<b>860.665.218</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản tiền Tập đoàn Sông Đà (nay là Tổng Công ty Sông Đà) nhận uỷ thác đầu tư của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tinh Hòa Bình để tham gia góp vốn điều lệ đợt 1 vào Công ty CP Đầu tư Phát triển KCN Hải Hà theo Công văn số 195/TCT-TCKT ngày 20/02/2008.

### 5.5 Nợ xấu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	5.228.809.175	485.628.902	4.850.180.273	263.102.371

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi

Trong đó:

	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công nợ của XN 12.6 chuyển sang	-	-	-	1.168.536.074
Chu ánh Tuyết - Phòng VTTT	-	-	-	840.068.000
Công ty TNHH TM MTV	-	-	-	309.316.750
Đại Hùng Cường	-	-	-	382.226.087
Công ty CP VLXD	-	-	-	2.528.662.264
CN Sạch Sông Đà	-	-	-	-
Các đối tượng nợ khác	-	-	-	-

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.767.620.124	-	2.287.756.313	-
Công cụ, dụng cụ	183.506.910	-	38.134.016	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	1.205.439.492	-
Thành phẩm	11.510.670	-	115.886.849	-
Hàng hoá	2.046.456	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>2.964.684.160</b>	<b>-</b>	<b>3.647.216.670</b>	<b>-</b>

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí bi đạn - xưởng nghiên xi	5.557.639.401	38.429.875
Chi phí hoạt động dây chuyền gạch	-	38.429.875
Chi phí thiết bị, sửa chữa, cải tạo, làm đường...	3.214.329.735	-
<b>Dài hạn</b>		
<b>Tổng</b>	<b>5.557.639.401</b>	<b>38.429.875</b>

**5.8 Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	31/12/2016 VND	Phải nộp trong năm VND	Số được khấu trừ / thực nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ / thực nộp trong năm VND	01/01/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.986.934.993	2.871.167.501	1.002.022.790	117.790.282	
Thuế TNDN	149.952.283	-	-	149.952.283	
<b>Cộng</b>	<b>2.136.887.276</b>	<b>2.871.167.501</b>	<b>1.002.022.790</b>	<b>117.790.282</b>	<b>267.742.565</b>

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2016	41.998.657.801	30.849.926.113	1.540.499.722	108.009.091	74.497.092.727
<b>Tăng trong năm</b>					
Mua trong năm	-	-	-	-	-
<b>Giảm trong năm</b>					
Phá hủy, dỡ bỏ	32.582.761.383	29.550.964.120	-	108.009.091	62.241.734.594
Số dư tại 31/12/2016	<b>9.415.896.418</b>	<b>1.298.961.993</b>	<b>1.540.499.722</b>	<b>108.009.091</b>	<b>62.241.734.594</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2016	41.922.036.775	30.849.926.113	1.479.313.888	108.009.091	74.359.285.867
<b>Tăng trong năm</b>					
Khấu hao trong năm	76.621.026	-	61.185.834	-	137.806.860
<b>Giảm trong năm</b>					
Phá hủy, dỡ bỏ	32.582.761.383	29.550.964.120	-	108.009.091	62.241.734.594
Số dư tại 31/12/2016	<b>9.415.896.418</b>	<b>1.298.961.993</b>	<b>1.540.499.722</b>	<b>108.009.091</b>	<b>62.241.734.594</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2016	76.621.026	-	61.185.834	-	137.806.860
Tại 31/12/2016	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

### 5.10 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Tổng

	Giá trị thương hiệu	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2016	1.800.000.000	1.800.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	1.800.000.000	1.800.000.000
Thay đổi thương hiệu	1.800.000.000	1.800.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2016	1.020.000.000	1.020.000.000
Tăng trong năm	60.000.000	60.000.000
Khâu hao trong năm	60.000.000	60.000.000
Giảm trong năm	1.080.000.000	1.080.000.000
Thay đổi thương hiệu	1.080.000.000	1.080.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2016	780.000.000	780.000.000
Tại 31/12/2016	-	-

Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu Sông Đà, được ghi nhận này căn cứ theo Quyết định số 294/TCT/HĐQT ngày 25/05/2004 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sông Đà, Nghị quyết số 03/ĐHCD ngày 19/05/2005 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2005 và Quyết định số 85/CT/HĐQT ngày 22/05/2005 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tinh Hòa Bình. Tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

Trong năm Hội đồng quản trị Công ty thống nhất ghi giảm giá trị thương hiệu sau khi Công ty thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

### 5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2016

01/01/2016

VND

Dây truyền sản xuất gạch không nung **20.858.259.744** 701.709.172  
**Tổng** **20.858.259.744** **701.709.172**

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
	Giá trị ghi sổ Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Đức Thành	4.652.400.000	4.652.400.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.986.385.569	1.986.385.569
Công ty TNHH CHB Việt Nam	714.082.400	714.082.400
Công ty TNHH Leading tinh Điện Biên	311.667.000	311.667.000
Công ty Cổ phần Sông Ngân	136.585.000	136.585.000
Công ty CP Đầu tư XD và TM Thiên Nhật	-	319.958.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác	592.265.103	238.922.604
<b>Dài hạn</b>		
<b>Tổng</b>	<b>8.393.385.072</b>	<b>3.334.306.173</b>

**5.13 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Nguyễn Thị Giang Tâm	16.810.000	1.810.000
Nguyễn Thị Thúy - Thanh Thúy - Phú Thọ	15.000.000	-
Các khách hàng khác	-	1.100.000
<b>Dài hạn</b>		
<b>Tổng</b>	<b>16.810.000</b>	<b>1.810.000</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2016 VND	Sô phải nộp trong năm VND	Sô đã thực nộp trong năm VND	01/01/2016 VND
Thuế thu nhập cá nhân	15.641.893	15.298.613	-	343.280
Thuế tài nguyên	33.130.338	-	-	33.130.338
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	388.671.631	513.769.231	125.097.600
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	90.150.467	19.796.160	19.796.160	90.150.467
<b>Cộng</b>	<b>138.922.698</b>	<b>426.766.404</b>	<b>536.565.391</b>	<b>248.721.685</b>

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Trích trước chi phí lãi vay	376.767.600	<b>215.440.183</b>
Trích trước chi phí bù cước vận chuyển	348.420.010	-
Trích trước chi phí tiêu thụ	-	77.716.800
Trích trước chi phí khuyến mại	28.347.590	50.985.892
Thuê phương tiện	-	80.849.157
	-	5.888.334
<b>Dài hạn</b>		
<b>Tổng</b>	<b>376.767.600</b>	<b>215.440.183</b>
<b>5.16 Phải trả ngắn hạn khác</b>		
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	2.528.661.395	<b>514.091.132</b>
Bảo hiểm xã hội	42.187.367	21.638.407
Bảo hiểm y tế	519.415.017	99.445.816
Bảo hiểm thất nghiệp	33.088.927	9.637.089
Tiền lương phải trả CBCNV qua ngân hàng	15.839.748	2.764.374
Tiền vay nội bộ	117.257.865	256.457.477
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	893.827.896	-
	907.044.575	124.147.969
<b>Dài hạn</b>		
<b>Tổng</b>	<b>2.528.661.395</b>	<b>514.091.132</b>

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<b>31/12/2016</b>		<b>Trong kỳ</b>		<b>01/01/2016</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Công ty CPĐT TM Hung Long	<b>4.174.581.775</b>	<b>4.174.581.775</b>	10.499.131.775	6.324.550.000	-	-
Trần Phuong Lan- Ngọc Thụy, Long	74.581.775	74.581.775	5.899.131.775	5.824.550.000	-	-
Biên, Hà Nội	-	-	500.000.000	500.000.000	-	-
Nguyễn Văn Hưng - P.Tân Thành,	4.100.000.000	4.100.000.000	4.100.000.000	-	-	-
TP Điện Biên, T.Điện Biên	<b>12.113.027.609</b>	<b>12.113.027.609</b>	<b>12.113.027.609</b>	-	-	-
<b>Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương CN	12.113.027.609	12.113.027.609	12.113.027.609	-	-	-
Điện Biên (*)	<b>16.287.609.384</b>	<b>16.287.609.384</b>	<b>22.612.159.384</b>	<b>6.324.550.000</b>	-	-
<b>Tổng</b>						

(\*) Hợp đồng hạn mức số 55/2016-HĐTD/NHCT|184-CTCPXMSD ký ngày 17/07/2016 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên.  
 Hạn mức vay là 17.300.000.000 đồng. Lãi suất 10,5%/năm. Thời hạn vay 72 tháng tính từ ngày dài ngân khoản vay đầu tiên, Mục đích vay: Đầu tư dây truyền sản xuất gạch không nung hiệu SYZJ8-20. Hình thức vay có đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

**5.18 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	19.800.000.000	(1.366.318.570)	18.365.296.322	19.079.472.867 (9.648.044.088) (9.648.044.088)
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	-	-
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	-	-	-	-
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	<b>19.800.000.000</b>	<b>(1.366.318.570)</b>	<b>18.365.296.322</b>	<b>19.431.428.779</b>
Số dư tại 01/01/2016	19.800.000.000	(1.366.318.570)	18.365.296.322	19.431.428.779 (2.874.094.247) (2.874.094.247)
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	-	-
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	-	-	-	-
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<b>19.800.000.000</b>	<b>(1.366.318.570)</b>	<b>18.365.296.322</b>	<b>(30.241.643.220)</b> <b>6.557.334.532</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	Cổ phần	Số tiền VNĐ	Tỷ lệ %	Vốn đã ghi nhận 31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long	1.083.500	10.835.000.000	54.72%	10.835.000.000	10.835.000.000
tỉnh Điện Biên	896.500	8.965.000.000	45.28%	8.965.000.000	8.965.000.000
Các cổ đông khác				<b>19.800.000.000</b>	<b>19.800.000.000</b>
<b>Tổng</b>	<b>1.980.000</b>	<b>19.800.000.000</b>			

### 5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

#### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày đầu năm	19.800.000.000	19.800.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	19.800.000.000	19.800.000.000
- <b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		

#### d. Cổ phiếu

	Năm 2016 Cổ phiếu	Năm 2015 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.980.000	1.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.980.000	1.980.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.980.000	1.980.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(136.632)	(136.632)
+ Cổ phiếu phổ thông	(136.632)	(136.632)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.843.368	1.843.368
Cổ phiếu phổ thông	1.843.368	1.843.368

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

#### e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.365.296.322	18.365.296.322
<b>Tổng</b>	<b>18.365.296.322</b>	<b>18.365.296.322</b>

### 5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	
<b>Tổng</b>	
Các khoản giảm trừ (Giảm giá hàng bán)	
<b>Cộng</b>	

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
7.039.610.779	5.619.699.794	
<b>7.039.610.779</b>	<b>5.619.699.794</b>	
10.113.636	-	
<b>7.029.497.143</b>	<b>5.619.699.794</b>	

### 5.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa thành phẩm	
<b>Tổng</b>	

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
9.582.901.727	9.822.002.753	
<b>9.582.901.727</b>	<b>9.822.002.753</b>	

**5.21 Doanh thu / Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2016</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2015</b> <b>VND</b>
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.968.673	499.897.508
Lãi bán các khoản đầu tư	-	1.912.939.101
<b>Tổng</b>	<b>6.968.673</b>	<b>2.412.836.609</b>
<b>Chi phí hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền vay	193.614.002	45.000.000
Hoàn nhập cõi tức thủy điện Nậm Mu đã trích năm 2014	-	750.000.000
Dự phòng đầu tư góp vốn vào Sông Đà - Tây Đô	-	850.000.000
Chi phí tài chính khác	-	21.010.416
<b>Tổng</b>	<b>193.614.002</b>	<b>1.666.010.416</b>
<b>Lãi (lỗ) hoạt động tài chính</b>	<b>(186.645.329)</b>	<b>746.826.193</b>

**5.22 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2016</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2015</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	252.134.792	1.204.745.316
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	16.078.254	11.115.210
Chi phí khấu hao TSCĐ	121.185.834	46.008.808
Chi phí băng tiền khác	114.870.704	194.889.912
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>2.303.312.345</b>	<b>952.731.386</b>
Chi phí nhân viên quản lý	666.278.473	5.544.744.165
Chi phí vật liệu quản lý	115.837.395	1.013.388.434
Chi phí đồ dùng văn phòng	282.398.086	17.239.781
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	61.616.304
Thuế, phí, lệ phí	441.279.262	24.271.386
Chi phí dự phòng	156.102.371	187.006.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	282.411.894	663.942.618
Chi phí băng tiền khác	359.004.864	243.413.197
Chuyên viên thi hành án cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình về khoản trợ cấp thất nghiệp cho người lao động	-	973.673.847
<b>Tổng</b>	<b>2.555.447.137</b>	<b>2.360.192.316</b>
		<b>6.749.489.481</b>

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Thu nhập khác, Chi phí khác</b>		
Thanh lý tài sản	3.665.464.373	904.545.455
Giá trị còn lại của tài sản	-	(400.477.841)
Thanh lý nguyên vật liệu	-	43.604.545
Thu nhập khác (	-	9.250.000
<b>Tổng</b>	<b>3.665.464.373</b>	<b>556.922.159</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí thanh lý tài sản	481.886.672	-
Phạt vi phạm hành chính	27.852.262	-
Giá trị còn lại của thương hiệu Sông Đà	720.000.000	-
Chi phí hao hụt hàng lưu bãi	14.322.636	-
<b>Tổng</b>	<b>1.244.061.570</b>	<b>-</b>
<b>Lãi (lỗ) hoạt động khác</b>	<b>2.421.402.803</b>	<b>556.922.159</b>

## 6. THÔNG TIN KHÁC

### 6.1 Giao dịch và số dư các bên liên quan

#### Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	Lương và thù lao	720.789.080
<b>Tổng</b>	<b>720.789.080</b>	<b>223.053.685</b>

#### Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND
Chi nhánh Công ty CP ĐT TM Hung Long tỉnh Điện Biên	Mua hàng	156.899.984
Công ty CP ĐT TM Hung Long tỉnh Điện Biên	Bán hàng	661.058.080
Chi nhánh Công ty CP ĐT TM Hung Long tỉnh Điện Biên	Lãi vay đã trả	197.040.580
	Bán hàng	239.486.292

#### Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2016 VND
<b>Các khoản phải trả</b>		
Chi nhánh Công ty CP ĐT TM Hung Long tỉnh Điện Biên	Phải trả người bán	84.820.000
Ông Nguyễn Văn Hưng	Phải trả gốc vay	4.100.000.000
Công ty CP ĐT TM Hung Long tỉnh Điện Biên	Phải trả lãi vay	106.030.556
	Phải trả gốc vay	74.581.775
	Phải trả lãi vay	2.147.739
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty CP ĐT TM Hung Long tỉnh Điện Biên	Tiền xi măng, gạch bê tông	47.628.128
Chi nhánh Công ty CP ĐT TM Hung Long tỉnh Điện Biên	Tiền xi măng, gạch bê tông	21.632.421

## 6.2 Hoạt động liên tục

Trong năm 2016, Công ty lỗ thêm 2.874.094.247 đồng, làm cho lỗ lũy kế của Công ty tính đến 31/12/2016 là 30.241.643.220 đồng, vượt so với vốn góp là 10.441.643.220 đồng, số nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2016 là 28.446.693.091 đồng, đồng thời luồng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016 vẫn âm. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

## 6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

#### Các loại công cụ tài chính

##### Tài sản tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền  
Phải thu khách hàng và phải thu khác

##### Tổng

##### Công nợ tài chính

Phải trả người bán và phải trả khác  
Chi phí phải trả

##### Tổng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	343.419.907	2.990.302.535
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.065.789.535	5.212.669.497
<b>Tổng</b>	<b>3.409.209.442</b>	<b>8.202.972.032</b>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	10.922.046.467	3.848.397.305
Chi phí phải trả	376.767.600	215.440.183
<b>Tổng</b>	<b>27.586.423.451</b>	<b>4.063.837.488</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### 6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (tiếp theo)

#### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ thuộc giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**31/12/2016**

Các khoản vay  
Phải trả người bán và phải trả khác  
Chi phí phải trả

Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
4.174.581.775	12.113.027.609	16.287.609.384
10.922.046.467	-	10.922.046.467
376.767.600	-	376.767.600

**01/01/2016**

Các khoản vay  
Phải trả người bán và phải trả khác  
Chi phí phải trả

Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
-	-	-
3.848.397.305	-	3.848.397.305
215.440.183	-	215.440.183

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có.

Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (tiếp theo)**

**31/12/2016**

Tiền và các khoản tương đương tiền  
Phải thu khách hàng và phải thu khác

	<b>Dưới 1 năm</b> <b>VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
	343.419.907	-	343.419.907
	3.065.789.535	-	3.065.789.535

**01/01/2016**

Tiền và các khoản tương đương tiền  
Phải thu khách hàng và phải thu khác

	<b>Dưới 1 năm</b> <b>VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
	2.990.302.535	-	2.990.302.535
	5.212.669.497	-	5.212.669.497

**6.4 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hạng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hòa Bình, ngày 20 tháng 01 năm 2017

**Tổng Giám đốc**

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Đặng Xuân Dương**

**Nguyễn Thị Bích Nguyệt**

**Vũ Tiên Hưng**

Hòa Bình, ngày 20 tháng 3 năm 2017  
**C.TY CP ĐTTM HÙNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**



**CHỦ TỊCH HĐQT.**  
**Nguyễn Văn Hưng**